Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 05

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ YÊN LẬP

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Quốc lộ 70B	Đập tràn Đồng Bành	Giáp xã Xuân Viên (khu vực đấu giá)	4.000	2.800	2.000	2.000	900	700	1.600	700	500
2		Giáp xã Xuân Viên (trừ khu vực đấu giá)	Đập tràn Đồng Bành	1.500	1.100	800	800	400	300	500	300	200
3		Đập tràn Đồng Bành	Ngã 3 nhà Tân Hương	2.000	1.400	1.000	1.000	500	400	600	400	300
4		Ngã 3 nhà Tân Hương	Giáp UBND xã Hưng Long (cũ)	3.000	2.100	1.500	1.500	700	500	900	500	400
5		Giáp UBND xã Hưng Long (cũ)	Cầu Tràn khu Mè	4.000	2.800	2.000	2.000	900	700	1.200	700	500
6		Cầu Tràn khu Mè	Giáp đất nhà bà Nga Hải, khu Chùa 11	4.000	2.800	2.000	2.000	900	700	1.200	700	500
7		Cầu Tràn khu Mè	Giáp đất nhà bà Nga Hải, khu Chùa 11	5.000	3.500	2.500	2.500	1.100	800	1.500	900	600
8	Đường An Lập (Quốc lộ 70B)	Giáp đất nhà bà Nga Hải, khu Chùa 11	Cầu Bến Sổ	7.000	4.900	3.500	3.500	1.600	1.200	2.100	1.200	900
9		Cầu Bến Sổ	Giáp Ngã 3 Bến xe cũ	12.000	8.400	6.000	6.000	2.700	2.000	3.600	2.000	1.500
10	Đường Tân Long (Quốc lộ 70B)	Ngã ba bến xe cũ	Cống Quán Hải	11.000	7.700	5.500	5.500	2.500	1.800	3.300	1.900	1.400
11	Đường Quốc lộ 70B	Cống Quán Hải	Cầu Ao Sen	9.000	6.300	4.500	4.500	2.000	1.500	2.700	1.500	1.100
12		Cầu Ao Sen	Đường rẽ khu Đồng Tiến	5.100	3.600	2.600	2.600	1.200	900	1.600	900	700
13		Đường rẽ khu Đồng Tiến	Cầu Nghè	4.200	3.000	2.100	2.100	1.000	700	1.300	700	600
14		Cầu Nghè	Giáp địa giới hành chính xã Thượng Long	2.000	1.400	1.000	1.000	500	400	600	400	300
15	Đường tỉnh 313D	Đầu ngã 3 đường rẽ đi Đồng Lạc	Cầu Bến Sơn	3.000	2.100	1.500	1.500	700	500	900	500	400
16		Cầu Bến Sơn	Nhà ông Hiếu (khu Bến Sơn)	2.500	1.800	1.300	1.300	600	400	800	500	300
17		Nhà ông Hiếu (khu Bến Sơn)	Nhà ông Thịnh khu Liên Hiệp	2.000	1.400	1.000	1.000	500	400	600	400	300
18		Nhà ông Thịnh khu Liên Hiệp	Đài tưởng niệm	3.000	2.100	1.500	1.500	700	500	900	500	400
19		Đài tưởng niệm	Hết địa phận xã Yên Lập	2.000	1.400	1.000	1.000	500	400	600	400	300

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
20	Đường tỉnh 313B	Nhà ông Quỳnh	Giáp địa giới hành chính xã Phú Khê	1.000	700	500	500	300	200	300	200	100
21	Đường tỉnh 313E	Đường tỉnh 313D	Giáp địa giới hành chính xã Phú Khê	1.000	700	500	500	300	200	300	200	100
22	Đường Tân Long (Tỉnh lộ 313)	Ngã ba bến xe cũ	Cầu Ngả 2	11.000	7.700	5.500	5.500	2.500	1.800	3.300	1.900	1.400
23		Cầu Ngả 2	Hết cầu Tân Long	9.000	6.300	4.500	4.500	2.000	1.500	2.700	1.500	1.100
24		Cầu Tân Long	Ngã 3 đường rẽ đi Đồng Lạc (cũ)	4.000	2.800	2.000	2.000	900	700	1.600	700	500
25		Khu vực còn lại dọc đường tỉnh 313 (giáp địa giới hành chính xã Phú Khê)		3.000	2.100	1.500	1.500	700	500	900	500	400
26	Đường huyện	Ngã ba nhà Tân Hương	Nhà văn hóa khu Thiện 2	1.500	1.100	800	800	400	300	500	300	200
27		Nhà văn hóa khu Thiện 2	Đi ngòi Thiện	1.000	700	500	500	300	200	300	200	100
28		Ngã ba Xí nghiệp Chè	Hết nhà ông Hoàng Văn Lý, khu Đồng Chung	3.000	2.100	1.500	1.500	700	500	900	500	400
29		Hết nhà ông Hoàng Văn Lý, khu Đồng Chung	Giáp địa giới hành chính xã Thượng Long	2.000	1.400	1.000	1.000	500	400	600	400	300
30		Nối QL 70B ngã 3 nhà ông Hưng	Ngã 3 nhà ông Đài	1.100	700	500	500	300	200	300	200	100
31		Ngã 3 nhà ông Đài	Đi hồ Quyền	900	700	500	500	220	200	300	200	100
32		Ngã 3 QL70B nhà ông Phụng	Ngã 4 xóm Thiện	1.000	700	500	500	300	200	300	200	100
33		Ngã 4 xóm Thiện	Nhà ông Binh (giáp đường QL 70B)	900	700	500	500	220	200	300	200	100
34		Nhà bà Huề khu Đồng Chung	Ngã 3 chùa Hưng Long	900	700	500	500	220	200	300	200	100
35		Ngã 3 vào chùa Hưng Long đoạn nối QL70B	Nhà ông Trường khu Thung Bằng	900	700	500	500	220	200	300	200	100
36		Đường 313D khu Đồng Tiến (Đài tưởng niệm)	Đi khu Dân Tiến	900	700	500	500	220	200	300	200	100
37		Đường 313D khu Đồng Phú	Đi khu Đồng Thi	900	700	500	500	220	200	300	200	100
38		Cầu Tràn khu Mè	Hết đất nhà ông Hải, xóm Mơ	3.000	2.100	1.500	1.500	700	500	900	500	400
39	Đường Long Sơn	Hết đất nhà ông Hải, xóm Mơ	Hết đất Nhà ông Lưu, khu Chùa 12	5.000	3.500	2.500	2.500	1.100	800	1.500	900	600

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
40	Phố Ngả Hai (Đường vành đai chợ)	Ngã 3 cổng chợ	Hết lối rẽ vào nhà ông Vị (khu Tân An 3)	9.000	6.300	4.500	4.500	2.000	1.500	2.700	1.500	1.100
41		Giáp lối rẽ vào Nhà ông Vị (Tân An 3)	Cống Quán Hải	8.000	5.600	4.000	4.000	1.800	1.300	2.400	1.400	1.000
42	Đường Hạ Long (Đoạn từ Công an xã đi Thượng Long)	Ngã 3 Công an xã Yên Lập	Hết ao cá Bác Hồ (khu Trung Ngãi)	8.000	5.600	4.000	4.000	1.800	1.300	3.200	1.400	1.000
43		Giáp ao cá Bác Hồ	Hết nhà Bà Thế (khu Trung Ngãi)	6.000	4.200	3.000	3.000	1.400	1.000	1.800	1.000	800
44		Giáp Nhà bà Thế	Hết nhà ông Thuật (khu Đồng Cạn)	5.000	3.500	2.500	2.500	1.100	800	1.500	900	600
45		Giáp Nhà ông Thuật	Giáp địa giới hành chính xã Thượng Long	4.000	2.800	2.000	2.000	900	700	1.200	700	500
46	Phố Thống Nhất	Ngã 3 Bưu điện	Hết trường Dân tộc nội trú	7.000	4.900	3.500	3.500	1.600	1.200	2.100	1.200	900
47	Đường ngã ba Bến Sơn đến tràn Thiện	Đường ngã 3 Bến Sơn	Tràn Thiện	1.500	1.100	800	800	400	300	500	300	200
48	Đường Sơn Đông	Nhà ông Dũng (khu Tân 2)	Hết cổng chào khu Trung Ngãi	3.000	2.100	1.500	1.500	700	500	900	500	400
49	Phố Tân An	Nhà ông Khoa	Hết NVH khu Tân An 1	3.000	2.100	1.500	1.500	700	500	900	500	400
50	Đường rẽ Đoạn từ tỉnh 313D khu Đồng Dân đi xã Minh Hòa	TL 313D	Nhà bà Tài khu Đồng Dân	900	700	500	500	220	200	300	200	100
51		Ngã 3 nhà ông Thông khu Đồng Dân	Địa phận xã Minh Hòa	900	700	500	500	220	200	300	200	100
52		Ngã 3 nhà ông Hoàng khu Dân Tiến	Ngã 3 nhà ông Tý khu Dân Tiến	900	700	500	500	220	200	300	200	100
53	Đường tránh lũ, sơ tán dân	Cầu Tân Long	Hết đập Suối Dân	2.000	1.100	800	800	400	300	800	300	100
54		Cầu Ngả 2	Hết đất nhà ông Lưu khu Chùa 12	8.000	5.600	4.000	4.000	1.800	1.300	2.400	1.400	1.000
55		Đường rẽ QL70B	Hết đập Suối Dân	2.000	1.400	1.000	1.000	500	400	600	400	300
56	Các tuyến đường khác	Đường nối Cụm công nghiệp thị trấn Yên Lập (trừ khu vực Tràn Đồng Miếu)		3.000	2.100	1.500	1.500	700	500	1.200	500	400
57		Ngã 3 chợ Đồng Lạc (cũ)	Hết nhà ông Vượng khu Đồng Tiến không đấu giá	2.500	1.800	1.300	1.300	600	400	900	500	300
58		Trạm y tế Đồng Lạc	Ngã 3 nhà ông Thông khu Đồng Dân	1.500	1.100	800	800	400	300	500	300	100
59		Cầu Hàm Rồng	Nhà văn hóa khu Minh Cát	1.500	1.100	800	800	400	300	500	300	100

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
60	Các tuyến đường khác	Cầu Hàm Rồng	Ngã 3 nhà ông Hùng Xuân khu Đồng Tiến	1.500	1.100	800	800	400	300	500	300	100
61		Ngã 3 chợ Đồng Lạc (cũ)	Hết nhà ông Vượng khu Đồng Tiến	5.000			2.500			2.000		
62		Đất khu vực Tràn ngả 2		8.000			3.200			2.400		
63		UBND xã	Hết cầu Hàm Rồng Đồng Tiến (băng 1) khu đấu giá	3.600			1.500			1.100		
64		UBND xã	Hết cầu Hàm Rồng Đồng Tiến (băng 1) không đấu giá	2.500			1.000			800		
65		UBND xã	Hết cầu Hàm Rồng Đồng Tiến (băng 2) khu đấu giá	3.000			1.200			900		
66	Khu dân cư, khu đấu giá	Khu đấu giá Tân An 3, 4		6.500			2.600			2.000		
67		Khu đấu giá Bến Sơn		4.000			2.000			1.600		
68		Vị trí đấu giá Đồng Khỏa, khu Thống Nhất xã Yên Lập		1.800			800			600		
69		Đất tại các khu tái định cư đã xây dựng hạ tầng xã		1.000			400			300		
70		Nhà ông Thọ	Nhà ông Thịnh	4.200			2.100			1.700		
71		Vị trí khu đấu giá tại khu Đình Cả		2.000			1.000			800		
72		Đất khu dân cư mới Bến Sơn		1.000			400			300		
73		Đất đấu giá khu Chùa 12 (trừ các lô tiếp giáp đường Long Sơn và đường liên khu)		4.000			1.600			1.200		
74		Đất đấu giá khu Tràn Đồng Miếu, khu Chùa 12		4.800			2.400			2.000		
75		Khu đất đấu giá thuộc khu vực còn lại		1.000			400			300		
76		Các vị trí còn lại khu Tân An 1, 2, 3, 4		2.500			1.300			1.000		
77	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá thuộc thị trấn Yên Lập cũ		2.000			1.000			800		
78		Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá thuộc xã Đồng Lạc, Đồng Thịnh, Hưng Long cũ		500			200			150		